

ĐỀ ÁN

**Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra,
giám sát của cấp cơ sở trong Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020**

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA CẤP CƠ SỞ

**I- KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐỘI NGŨ
CÁN BỘ KIỂM TRA CẤP CƠ SỞ**

Tính đến ngày 30/6/2016, Đảng bộ tỉnh có 759 tổ chức cơ sở đảng, gồm: 357 đảng bộ cơ sở (230 đảng bộ xã, phường, thị trấn; 94 đảng bộ trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang; 33 đảng bộ trong doanh nghiệp) và 402 chi bộ cơ sở (274 chi bộ trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, 128 chi bộ trong doanh nghiệp); 4.536 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở (3.539 chi bộ trực thuộc đảng ủy xã, phường, thị trấn; 563 chi bộ trong các cơ quan nhà nước; 67 chi bộ trong các đơn vị Quân đội; 129 chi bộ trong các đơn vị Công an; 238 chi bộ trong các doanh nghiệp); 01 đảng bộ bộ phận. Tổng số đảng viên trong Đảng bộ tỉnh là 78.281 đồng chí.

Đại hội đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 2015-2020 đã bầu 357 ủy ban kiểm tra (UBKT), với 1.537 ủy viên (*có biểu thống kê số 01a, 01b, 02a, 02b kèm theo*). UBKT đảng ủy cơ sở cơ bản đủ số lượng (từ 03 đến 05 đồng chí), chất lượng được nâng lên so với nhiệm kỳ 2010-2015: tỷ lệ ủy viên UBKT đảng ủy cơ sở có trình độ đại học, cao đẳng tăng từ 47% lên 61%; trình độ lý luận chính trị từ trung cấp đến cao cấp tăng từ 64% lên 75%; có kinh nghiệm công tác từ 02 nhiệm kỳ trở lên tăng từ 26% lên 36%; tỷ lệ phó bí thư đảng ủy kiêm chủ nhiệm UBKT tăng từ 58,6% lên 86,3%. Ở các chi bộ (*bao gồm cả chi bộ cơ sở và chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở*) cơ bản thực hiện nghiêm túc việc phân công cấp ủy viên phụ trách công tác kiểm tra của chi bộ.

**II- KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA CẤP CƠ SỞ
NHIỆM KỲ 2010- 2015**

Trong nhiệm kỳ qua, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng ở cấp cơ sở¹ có đóng góp rất lớn trong kết quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng bộ tỉnh, cụ thể: Cấp ủy cơ sở và chi bộ đã kiểm tra chấp hành 38.911 lượt đảng viên, 3.317 lượt tổ chức đảng (*chiếm 98,8% tổng số lượt đảng viên, 70% tổng số lượt tổ chức đảng được cấp ủy các cấp trong Đảng bộ tỉnh kiểm tra*); giám sát chuyên đề 19.290 lượt đảng viên, 2.722 lượt tổ chức đảng (*chiếm 98,6% tổng số lượt đảng viên, 80% tổng số lượt tổ chức đảng được*

¹ Bao gồm: đảng ủy cơ sở, chi bộ cơ sở, UBKT cấp ủy cơ sở và chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở.

cấp ủy các cấp trong Đảng bộ tỉnh giám sát), qua kiểm tra kết luận 352 đảng viên, 47 tổ chức đảng có vi phạm, trong đó có 56 đảng viên, 05 tổ chức đảng vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật, đã kỷ luật xong 55 đảng viên, 04 tổ chức đảng; giải quyết tố cáo đối với 300 lượt đảng viên (*chiếm 76% tổng số lượt đảng viên bị tố cáo đã giải quyết trong Đảng bộ tỉnh*); thi hành kỷ luật 1.617 đảng viên, 25 tổ chức đảng (*chiếm 76,3% tổng số đảng viên, 64,1% tổng số tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật trong Đảng bộ tỉnh*). UBKT đảng ủy cơ sở đã tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 1.379 lượt đảng viên, 450 lượt tổ chức đảng (*chiếm 82,6% tổng số lượt đảng viên, 81% tổng số lượt tổ chức đảng được UBKT các cấp trong Đảng bộ tỉnh kiểm tra*); qua kiểm tra kết luận 1.101 đảng viên, 229 tổ chức có vi phạm, trong đó có 612 đảng viên, 15 tổ chức đảng vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật, đã thi hành kỷ luật xong; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với 6.459 lượt tổ chức đảng (*chiếm 75,6%*), kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong đảng 2.837 lượt tổ chức đảng (*chiếm 74,6%*), việc thu, nộp và sử dụng đảng phí 4.017 lượt tổ chức đảng (*chiếm 79,5% tổng số lượt tổ chức đảng được UBKT các cấp trong Đảng bộ tỉnh kiểm tra*); giám sát chuyên đề đối với 2.188 lượt đảng viên, 1.886 lượt tổ chức đảng (*chiếm 88% tổng số lượt đảng viên, 86,4% tổng số lượt tổ chức đảng được UBKT các cấp trong Đảng bộ tỉnh giám sát chuyên đề*).

Qua kiểm tra, giám sát, cấp cơ sở đã phát hiện, xử lý kịp thời nhiều vi phạm của cán bộ, đảng viên, giúp tổ chức đảng, đảng viên phát huy ưu điểm; chấn chỉnh, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm, giữ vững kỷ cương, kỷ luật, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh; góp phần thúc đẩy thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

Đạt được những kết quả trên là do Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp và UBKT cấp trên thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; đảng ủy cơ sở tập trung lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng; sự nỗ lực, cố gắng của UBKT cơ sở đã tham mưu giúp cấp ủy tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng.

Tuy nhiên, còn một số cấp ủy cơ sở quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết, quy định, hướng dẫn của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát chưa kịp thời, thiếu sâu sắc; xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát chưa trọng tâm, trọng điểm, chưa bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị; chất lượng một số cuộc kiểm tra, giám sát còn hạn chế, báo cáo kết quả kiểm tra sơ sài, kết luận chung chung, chưa chỉ rõ thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm và nguyên nhân; công tác giám sát còn hình thức, phát hiện dấu hiệu vi phạm qua giám sát để chuyển kiểm tra còn ít. Số UBKT đảng ủy cơ sở thực hiện được nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đạt thấp². Xem xét xử lý kỷ luật một số trường hợp thiếu kiên quyết, chưa bảo đảm phương hướng, phương châm, nguyên tắc và chưa đúng mức độ vi phạm của đảng viên. Việc đôn đốc tổ chức thực hiện các kết luận, thông báo sau kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên.

² Bình quân hằng năm chỉ có 10% UBKT đảng ủy cơ sở thực hiện được nhiệm vụ này.

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm nêu trên chủ yếu do: Nhận thức của một số cấp ủy cơ sở, nhất là người đứng đầu về công tác kiểm tra, giám sát chưa đầy đủ; chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Việc tham mưu, giúp cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của UBKT đảng ủy cơ sở một số nơi chưa kịp thời, chất lượng hạn chế; chưa chủ động thực hiện toàn diện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng; đội ngũ cán bộ, chế độ, chính sách, điều kiện làm việc của UBKT đảng ủy cơ sở và chi bộ còn bất cập. Công tác lãnh đạo của cấp ủy, hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của UBKT cấp trên có lúc chưa thường xuyên, kịp thời.

III- NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA CẤP CƠ SỞ

1- Nhận thức, ý thức trách nhiệm của một số cấp ủy, UBKT đảng ủy cơ sở và đảng viên về công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế

Nhận thức của một số cấp ủy cơ sở, nhất là người đứng đầu về vị trí, vai trò công tác kiểm tra, giám sát chưa đầy đủ; vì vậy, chưa quan tâm đúng mức đến lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với cấp cơ sở; còn có biểu hiện người đứng đầu cấp ủy sợ mất thành tích, không ủng hộ UBKT tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; một số đảng ủy cơ sở có biểu hiện "giao khoán" nhiệm vụ kiểm tra, giám sát cho UBKT đảng ủy cơ sở.

Ý thức trách nhiệm một số UBKT, chủ nhiệm UBKT đảng ủy cơ sở chưa cao, chưa chủ động tham mưu, giúp cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát; còn lúng túng trong triển khai thực hiện nhiệm vụ; còn nể nang, né tránh, ngại va chạm, nhất là trong kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm hoặc làm qua loa, hình thức để lấy thành tích.

Còn một số tổ chức đảng và đảng viên khi được kiểm tra có biểu hiện mặc cảm, định kiến, thiếu hợp tác, thậm chí phản ứng, gây khó khăn, nhất là trong kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; một số đảng viên chưa nhận thức đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát (*cho rằng chi bộ không cần thiết phải kiểm tra đảng viên chấp hành vì hàng năm đã tiến hành kiểm điểm, đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức đảng và đảng viên; kiểm tra, giám sát không có tác dụng mà chỉ làm mất thời gian, gây khó khăn, phiền hà cho đơn vị*).

2- Năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của đảng ủy cơ sở và chi bộ còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu

Một số đảng ủy, chi bộ cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết, quy định, hướng dẫn của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát chưa sâu rộng, kịp thời, sâu sắc đến cấp ủy, cán bộ, đảng viên. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát chưa bám sát yêu cầu nhiệm vụ và thực tế tại địa phương, đơn vị. Công tác kiểm tra thiếu trọng tâm, trọng điểm, chưa đi sâu kiểm tra những vấn đề nổi cộm, bức xúc, những lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm; kiểm tra cấp ủy viên, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý còn ít. Công tác thẩm tra, xác minh của một số đơn vị hạn chế, báo cáo kết quả kiểm tra sơ sài, kết luận chung chung, chưa chỉ rõ thiếu sót, khuyết điểm, tính chất, mức độ nguyên

nhân của vi phạm và những yêu cầu, kiến nghị cụ thể của tổ chức đảng, đảng viên qua kiểm tra. Công tác giám sát chưa thường xuyên. Cấp ủy cơ sở chưa thường xuyên nghe báo cáo để kịp thời cho ý kiến chỉ đạo, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc về công tác kiểm tra, giám sát. Chỉ đạo công tác phối hợp giữa kiểm tra với thanh tra chưa chặt chẽ. Một số cấp ủy chưa quan tâm xây dựng tổ chức, bộ máy, cán bộ và hoạt động của UBKT cơ sở; xử lý kỷ luật một số vụ việc chưa bảo đảm khách quan, dẫn đến khiếu nại hoặc phải chuyển lên cấp trên giải quyết lại nhiều lần. Việc tổ chức thực hiện các kết luận, quyết định sau kiểm tra, giám sát chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao.

3- Cấp ủy, UBKT cấp trên chưa thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn đối với cấp ủy, UBKT đảng ủy cơ sở; công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kiểm tra cấp cơ sở còn hạn chế

Một số cấp ủy cấp trên cơ sở chưa làm tốt công tác nắm tình hình, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác kiểm tra, giám sát của cấp cơ sở.

UBKT cấp trên cơ sở ở một số nơi chưa quan tâm kiểm tra việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, việc thi hành kỷ luật; chưa thường xuyên nắm tình hình để kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cấp ủy, UBKT cơ sở và các chi bộ. Đa số các đảng ủy, chi bộ, UBKT chưa ban hành được bộ quy trình kiểm tra, giám sát.

Công tác tập huấn nghiệp vụ chưa kịp thời, phương pháp chưa phù hợp, còn nặng về lý thuyết, chưa đi sâu hướng dẫn cụ thể về kỹ năng nghiệp vụ theo hướng "cầm tay chỉ việc"; ý thức trách nhiệm, tinh thần học tập của một số cán bộ được cử đi tập huấn chưa cao; nhiều cán bộ kiểm tra ở cơ sở sau khi được tập huấn chưa nắm chắc yêu cầu cơ bản về nghiệp vụ.

4- Đội ngũ cán bộ và chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác kiểm tra ở cấp cơ sở còn nhiều bất cập; cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện làm việc của UBKT đảng ủy cơ sở, chi bộ còn nhiều khó khăn; việc thực hiện quy chế làm việc của UBKT đảng ủy cơ sở chưa nghiêm túc

Đội ngũ cán bộ của UBKT đảng ủy cơ sở nói riêng và cán bộ làm công tác kiểm tra ở cấp cơ sở nói chung hiện nay đều kiêm nhiệm, không có cán bộ chuyên trách. Đồng chí phó bí thư thường trực đảng ủy kiêm chủ nhiệm UBKT đảng ủy được phân công phụ trách nhiều nhiệm vụ nên chưa dành thời gian thỏa đáng cho công tác kiểm tra, giám sát. Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác kiểm tra còn hạn chế³.

Hiện chưa có hướng dẫn để thực hiện được chủ trương bố trí chức danh chuyên trách làm phó chủ nhiệm UBKT đảng ủy các xã, phường, thị trấn và các đảng bộ cơ quan, doanh nghiệp có từ 300 đảng viên trở lên theo Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng nên mỗi nơi bố trí một khác, không thống nhất (nơi do công chức xã kiêm nhiệm, nơi

³ Hiện còn 25% ủy viên UBKT đảng ủy cơ sở chưa được đào tạo chuyên môn và lý luận chính trị; phần lớn cán bộ được phân công phụ trách công tác kiểm tra của chi bộ ở các xã, phường, thị trấn là đảng viên cao tuổi.

do chức danh không chuyên khác kiêm, nơi do cán bộ hưu kiêm nhiệm, nơi thì do bí thư chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở kiêm).

Chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác kiểm tra cấp cơ sở bắt cập. Cán bộ kiêm nhiệm ủy viên UBKT đảng ủy cơ sở không có phụ cấp; phó chủ nhiệm UBKT cơ sở không chuyên trách, chế độ phụ cấp thấp, nên chưa yên tâm làm việc và không thu hút cán bộ có năng lực về làm công tác kiểm tra.

Trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc của UBKT đảng ủy cơ sở còn thiếu, không có máy tính, máy in, các văn bản phải làm chung ở văn phòng đảng ủy. Không có kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của các đoàn (tổ) kiểm tra, giám sát của cấp ủy, UBKT, chi bộ nên cũng ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.

Một số cấp ủy, UBKT đảng ủy cơ sở chưa thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác. Tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình của một số cấp ủy, đảng viên, kể cả người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng bị giảm sút, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, đoàn kết xuôi chiều; chưa chủ động phối hợp, phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và quần chúng nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Để khắc phục những hạn chế trên, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của cấp cơ sở trong Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu sau:

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I- MỤC TIÊU

Tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp cơ sở đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra cơ sở đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Duy trì thực hiện có nền nếp công tác kiểm tra, giám sát ở cơ sở; kịp thời phát hiện, xử lý, ngăn ngừa những sai phạm, vi phạm của cán bộ, đảng viên ngay từ cơ sở, góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1- Nhiệm vụ

1.1- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt về công tác kiểm tra, giám sát. Tạo chuyển biến thực sự về nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT, trước hết là cấp ủy cơ sở và người đứng đầu cấp ủy cơ sở về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

1.2- Nâng cao năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của đảng ủy cơ sở và chi bộ; năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của UBKT đảng ủy cơ sở.

1.3- Ban hành bộ quy trình kiểm tra, giám sát và hệ thống mẫu, thể thức các văn bản nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát cho đảng ủy, UBKT đảng ủy cơ sở và chi bộ để thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh; xong trong tháng 11/2016.

1.4- Xây dựng nội dung và tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng đến 100% đảng ủy cơ sở, ủy viên UBKT đảng ủy cơ sở và chi ủy viên phụ trách công tác kiểm tra ở chi bộ; xong trong năm 2016.

1.5- Tăng cường kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm ở cấp cơ sở. Đến năm 2018 có từ 40% và đến năm 2020 có từ 50% trở lên số UBKT cấp ủy cơ sở thực hiện được nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm.

1.6- Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện, điều kiện làm việc và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho UBKT đảng ủy cơ sở.

1.7- Kiện toàn tổ chức cán bộ kiểm tra cơ sở, phân đầu đến năm 2020, 100% ủy viên UBKT đảng ủy cơ sở có trình độ chuyên môn và trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên; 100% chủ nhiệm UBKT đảng ủy cơ sở có trình độ đại học trở lên.

2- Giải pháp chủ yếu

2.1- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt

Các cấp ủy tăng cường lãnh đạo thực hiện có hiệu quả Thông báo kết luận số 226-TB/TW ngày 03/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Hướng dẫn số 19-HD/UBKTTW ngày 29/4/2009 về tăng cường tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Tiếp tục triển khai quán triệt sâu sắc, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015-2020, các quy định, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và các hướng dẫn của UBKT Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, Kết luận số 72-KL/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2020; Hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng trong Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng; Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 31/3/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng trong Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Cấp ủy cơ sở phải xác định kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy, do cấp ủy tiến hành, người đứng đầu cấp ủy chịu trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; những chủ trương, chính sách, quy định, quyết định đã triển khai đều phải được giám sát và kiểm tra.

2.2- Nâng cao kỹ năng lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của đảng ủy cơ sở và chi bộ; năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của UBKT đảng ủy cơ sở

Tháng 12 hằng năm, đảng ủy cơ sở, UBKT đảng ủy cơ sở và chi bộ phải xây dựng kế hoạch lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát năm sau; phân công rõ cấp ủy viên trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và

thường xuyên đôn đốc thực hiện kế hoạch đề ra, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Khắc phục triệt để biểu hiện đảng ủy “giao khoán” công tác kiểm tra, giám sát cho UBKT đảng ủy cơ sở. Đảng ủy cơ sở chỉ đạo UBKT đảng ủy cơ sở thẩm định kế hoạch kiểm tra, giám sát của các chi bộ trực thuộc trước khi ban hành, xong trước ngày 31/12 hằng năm.

Công tác kiểm tra, giám sát của đảng ủy phải bám sát sự chỉ đạo của cấp trên, yêu cầu và phục vụ nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng của địa phương, đơn vị. Nội dung, lĩnh vực và đối tượng kiểm tra phải trọng tâm, trọng điểm; tập trung kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên, nhất là cấp ủy viên, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý về việc chấp hành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn đoàn kết nội bộ, khi kiểm tra tổ chức đảng phải kết hợp kiểm tra đối với người đứng đầu; đi sâu kiểm tra những vấn đề nổi cộm, bức xúc, những lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm (*sử dụng kinh phí xây dựng nông thôn mới; đầu tư xây dựng cơ bản; thực hiện chế độ, chính sách xã hội; quản lý đất đai; quản lý tài chính, ngân sách ở địa phương, đơn vị...*); chú trọng kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cấp ủy, UBKT đảng ủy cơ sở tiến hành giám sát mở rộng cả về nội dung, đối tượng; tăng cường giám sát thường xuyên; qua giám sát kịp thời cảnh báo, nhắc nhở, kiến nghị; đồng thời phát hiện những biểu hiện dấu hiệu vi phạm để chuyển kiểm tra.

Đảng ủy, chi bộ khi tiến hành các cuộc kiểm tra, giám sát phải công khai, khách quan, dân chủ, thận trọng và theo đúng phương pháp, quy trình; nâng cao chất lượng công tác thẩm tra, xác minh đối với các cuộc kiểm tra. Qua kiểm tra, giám sát, phải đánh giá đúng ưu điểm của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên để phát huy, động viên, khen thưởng kịp thời; đồng thời, phát hiện, làm rõ những thiếu sót, khuyết điểm để sớm uốn nắn, nhắc nhở, khắc phục; tiến hành xử lý nghiêm khi có vi phạm, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật của Đảng. Tổ chức thực hiện nghiêm các quyết định, kết luận về công tác kiểm tra, giám sát của cấp trên và cấp cơ sở, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của các quyết định, kết luận sau kiểm tra, giám sát của Đảng. Khắc phục biểu hiện hình thức; nể nang, né tránh, ngại va chạm,... trong công tác kiểm tra, giám sát.

Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để các tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân tham gia giám sát. Chỉ đạo tăng cường phối hợp giữa UBKT với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy và các cơ quan liên quan. Các cấp ủy định kỳ nghe báo cáo và chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tại địa phương, đơn vị, giải quyết kiến nghị của các tổ chức đảng cấp dưới và chỉ đạo công tác sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát.

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo về tổ chức, hoạt động của UBKT và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra; kịp thời đề xuất với cấp có thẩm quyền về những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

UBKT đảng ủy cơ sở thực hiện toàn diện các nhiệm vụ theo quy định: kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; giám sát cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới; giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng; kiểm tra tài chính đảng. Đồng thời, thực hiện tốt chức năng tham mưu giúp cấp ủy lãnh đạo và thực hiện có chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong đảng bộ và các nhiệm vụ cấp ủy giao. Chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra của UBKT cấp trên về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

UBKT đảng ủy cơ sở chủ động rà soát, bổ sung, sửa đổi kịp thời quy chế làm việc; xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, duy trì thực hiện nguyên tắc, chế độ làm việc của UBKT đảng ủy theo đúng quy định. Định kỳ báo cáo với đảng ủy, UBKT cấp trên về kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng.

Chi bộ xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra, giám sát đảng viên của chi bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên. Tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của chi bộ, nhiệm vụ do chi bộ phân công và quy định về những điều đảng viên không được làm.

2.3- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, sự hướng dẫn của UBKT cấp trên đối với công tác kiểm tra, giám sát cấp cơ sở

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tăng cường kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng đối với các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy. Hằng năm, thực hiện nhận xét, đánh giá, phân loại đối với cấp ủy và UBKT các đảng ủy trực thuộc về thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát; lấy chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát của cơ sở là tiêu chí quan trọng trong nhận xét, đánh giá xếp loại hằng năm của các địa phương, đơn vị. Chỉ đạo UBKT cấp ủy cấp huyện thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ cho cấp cơ sở; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của cơ sở.

Cấp ủy cấp huyện thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đảng ủy, UBKT đảng ủy cơ sở, các chi bộ triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện các văn bản của cấp trên về công tác kiểm tra, giám sát; việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch kiểm tra, giám sát. Chỉ đạo cấp ủy cơ sở quan tâm xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn cán bộ làm chủ nhiệm, phó chủ nhiệm UBKT đảng ủy cơ sở đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm, xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cấp ủy viên cơ sở và ủy viên UBKT đảng ủy cơ sở trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Hằng năm, UBKT các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức thẩm định kế hoạch kiểm tra, giám sát của đảng ủy, UBKT đảng ủy cơ sở, chi bộ cơ sở trước khi ban hành, xong trước ngày 15/12 của năm trước.

2.4- Ban hành thực hiện thống nhất bộ quy trình kiểm tra, giám sát và hệ thống mẫu các văn bản nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát cho đảng ủy, UBKT đảng ủy cơ sở và chi bộ. Xây dựng nội dung và tiến hành tập huấn bảo đảm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ thực tế của công tác kiểm tra cấp cơ sở

UBKT Tỉnh ủy xây dựng hệ thống mẫu văn bản nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát cho cấp cơ sở; xây dựng bộ quy trình kiểm tra, giám sát mẫu cho đảng ủy, UBKT đảng ủy cơ sở và chi bộ. Các quy trình phải bảo đảm các nguyên tắc, phương pháp công tác đảng và hướng dẫn của Trung ương; công khai, dân chủ, đơn giản, giảm thủ tục hành chính, để thực hiện, xong trước ngày 30/11/2016.

UBKT Tỉnh ủy nghiên cứu biên soạn nội dung tập huấn cho cấp cơ sở bảo đảm phù hợp, hiệu quả, thiết thực để nâng cao nghiệp vụ công tác kiểm tra cho cán bộ cấp cơ sở.

Trường Chính trị tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố phối hợp với ban tổ chức và UBKT cấp ủy cùng cấp nghiên cứu, xây dựng, ban hành kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra cho cấp cơ sở xong trước 30/12 hằng năm; đồng thời nghiên cứu đổi mới phương pháp bồi dưỡng nghiệp vụ, quản lý các học viên để nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng.

Các đảng ủy cơ sở rà soát, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ của cấp mình báo cáo cấp ủy, UBKT cấp trên xong trước ngày 30/11 hằng năm và tổ chức thực hiện theo kế hoạch; tổ chức tập huấn cho tất cả ủy viên UBKT đảng ủy cơ sở và chi ủy viên phụ trách công tác kiểm tra ở chi bộ xong trước tháng 7/2017. Những năm tiếp theo, các đồng chí thuộc đối tượng này được tập huấn các quy định, hướng dẫn mới của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

2.5- Hỗ trợ kinh phí, tăng cường cơ sở vật chất cho UBKT đảng ủy cơ sở

Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo bố trí kinh phí chi hỗ trợ cho mỗi UBKT đảng ủy xã, phường, thị trấn trong giai đoạn 2017-2020 với mức 4 triệu đồng/năm. Nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các xã, phường, thị trấn; thời gian thực hiện từ năm 2017.

Cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan, doanh nghiệp trích kinh phí từ nguồn chi công tác đảng của đơn vị để hỗ trợ cho các đoàn (tổ) kiểm tra cấp mình theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành quy định về chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở.

Đảng ủy cơ sở quan tâm, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm điều kiện làm việc cho UBKT đảng ủy cơ sở.

2.6- Kiện toàn tổ chức cán bộ kiểm tra cơ sở

Cấp ủy cơ sở quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn UBKT đảng ủy cơ sở và cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát của các chi bộ đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra cơ sở có trình độ, năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức tốt.

- Đảng ủy cơ sở khi kiện toàn thành viên UBKT đảng ủy cơ sở phải thực

hiện theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Trong khi chờ Trung ương hướng dẫn thực hiện chủ trương tăng cường cán bộ kiểm tra chuyên trách cho UBKT đảng ủy xã, phường, thị trấn, trước mắt phân công 01 công chức ở cấp xã, phường, thị trấn để bố trí làm phó chủ nhiệm UBKT đảng ủy cơ sở.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình cụ thể của đơn vị, địa phương, xây dựng kế hoạch thực hiện và chỉ đạo thực hiện Đề án; đồng thời, tổ chức tốt việc quán triệt, triển khai Đề án và kế hoạch của cấp ủy cấp huyện và cấp cơ sở tới cán bộ, đảng viên và nhân dân. Thời gian hoàn thành đối với cấp huyện trong quý III/2016, cấp cơ sở trong quý IV/2016.

2- Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, UBKT Tỉnh ủy nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo phân công công chức cấp xã để bố trí làm phó chủ nhiệm UBKT đảng ủy cơ sở; bố trí kinh phí hỗ trợ hoạt động của UBKT đảng ủy cơ sở theo quy định của Đề án.

3- UBKT Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tăng cường hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về kiểm tra, giám sát; xây dựng bộ quy trình và hệ thống biểu mẫu nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát cho cơ sở, hoàn thành trong năm 2016.

4- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh tích cực tuyên truyền sâu rộng nội dung Đề án, tạo đồng thuận trong nhận thức và quá trình triển khai thực hiện Đề án trong Đảng bộ tỉnh.

5- Trường Chính trị tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố thực hiện đổi mới công tác bồi dưỡng cán bộ; phối hợp với UBKT cấp ủy cùng cấp thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác kiểm tra cho đội ngũ cán bộ kiểm tra cơ sở và bí thư chi bộ.

Giao UBKT Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Đề án; định kỳ hằng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Đề án và tham mưu với Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng kết Đề án vào quý II/2020.

Đề án này được phổ biến đến chi bộ./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh,
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu: VPTU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Bùi Văn Hải

THỐNG KÊ

Biểu số 01a

Thành viên UBKT cấp cơ sở của Đảng bộ nhiệm kỳ 2010-2015

TT	Đơn vị	Thành viên UBKT cơ sở																		Ghi chú
		Tổng số	Chia ra																	
			Chủ nhiệm UBKT cơ sở					Phó Chủ nhiệm UBKT cơ sở					Ủy viên UBKT cơ sở							
			Số lượng	Đối tượng kiêm nhiệm				Số lượng bầu 01 hoặc 02)	Cấp ủy	Đối tượng					Số lượng	Đối tượng				
Phó BT	Thường trực Đảng ủy	UV Ban thường vụ		Đảng ủy viên	Công chức, viên chức NN kiêm	Bán chuyên khác kiêm	Chuyên làm PCN (Cán bộ nghỉ hưu)			Bí thư CB, trưởng thôn	Chuyên làm nhiệm vụ PCN UBKT	Cơ quan nhà nước	Số lượng bán chuyên trách	cán bộ, công chức cấp xã		Chi bộ kiêm				
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Việt Yên	100	21	3	16	1	1	21	7	8	2	2	5	4	58	10	15	18	15	
2	Hiệp Hòa	97	28	28	0	0	0	28	6	6	13	8	1	0	41	11	22	5	3	
3	Lục Ngạn	129	35	3	30	0	2	35	10	5	15			15	59	14	17	12	16	
4	Yên Thế	110	26	26	0	0	0	26	6	5	2	0	0	19	62	13	18	30	1	
5	Sơn Động	129	27	27	0	0	0	27	3	7	0	20			76	10	32	19	15	
6	Lục Nam	153	33	10	22	0	1	33	5	7	3	1	5	17	87	6	29	38	14	
7	Tân Yên	134	30	10	15	4	1	24	10	3	6	1	7	7	80	31	34	3	12	
8	Lạng Giang	123	27	25	2	0	0	27	13	0	4	21		2	69	26	31	9	3	
9	Bắc Giang	110	24	21	1	0	2	24	16	13	6	0	5		62	17	8	6	31	

TT	Đơn vị	Thành viên UBKT cơ sở																	Ghi chú	
		Tổng số	Chia ra																	
			Chủ nhiệm UBKT cơ sở				Phó Chủ nhiệm UBKT cơ sở					Ủy viên UBKT cơ sở								
			Số lượng	Đối tượng kiêm nhiệm				Số lượng bầu 01 hoặc 02)	Cấp ủy	Đối tượng					Số lượng	Đối tượng				
Phó BT	Thường trực Đảng ủy	UV Ban thường vụ		Đảng ủy viên	Công chức, viên chức NN kiêm	Bán chuyên khác kiêm	Chuyên làm PCN (Cán bộ nghỉ hưu)			Bí thư CB, trưởng thôn	Chuyên làm nhiệm vụ PCN UBKT	Cơ quan nhà nước	Số lượng bán chuyên trách	cán bộ, công chức cấp xã		Chi bộ kiêm				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
10	Yên Dũng	117	25	25	0	0	0	25	0					25	67	21	15	10	21	
11	Doanh Nghiệp	65	21	11	0	0	10	21	9	21	0	0			24	0	0	0	24	
12	Các Cơ quan	98	31	0	0	31	0	31	0	0	31	0			36	36	0	0	0	
13	Công ty Đạm	12	4	0	0	4	0	0	0	0	0	0			8	0	0	0	8	
14	Công an	24	8	8	0	0	0	0	0	0		0			16	16	0	0	0	
15	Quân Sự	18	6	6	0	0	0	6	0	0	0	6			6	6	0	0	0	
Tổng cộng		1.419	346	203	86	40	17	328	85	75	82	59	23	89	751	217	221	150	163	

THÔNG KÊ

Biểu số 01b

Thành viên UBKT cấp cơ sở của Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020

TT	Đơn vị	Thành viên UBKT cơ sở																	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra																
			Chủ nhiệm UBKT cơ sở				Phó Chủ nhiệm UBKT cơ sở					Ủy viên UBKT cơ sở							
			Số lượng	Đối tượng kiêm nhiệm			Số lượng	Cấp ủy	Trong đó				Số lượng	Trong đó					
				Phó BT	UV Ban thường vụ	Đảng ủy viên			Công chức, viên chức NN kiêm	Bán chuyên khác kiêm	Chuyên làm PCN (Cán bộ nghỉ hưu)	Bí thư CB, trưởng thôn		Chuyên làm nhiệm vụ PCN UBKT	Cơ quan nhà nước	Số lượng bán chuyên trách (cấp xã)	cán bộ, công chức cấp xã	Chi bộ kiêm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Việt Yên	110	23	21	2	0	23	5	9	4	1	2	7	64	16	18	18	12	
2	Hiệp Hòa	115	30	30	0	0	28	12	8	16	2	2		57	11	28	9	9	
3	Lục Ngạn	139	35	35	0	0	35	18	5	17	0	0	13	69	20	20	16	13	
4	Yên Thế	121	26	26	0	0	26	7	5	4	1	0	16	69	9	15	40	5	
5	Sơn Động	129	27	27	0	0	26	1	4	0	0	2	20	76	10	26	10	30	
6	Lục Nam	165	33	33	0	0	32	10	7	4	1	5	15	100	19	34	37	10	
7	Tân Yên	142	30	25	4	1	30	5	8	10	1	5	6	86	15	35	23	13	
8	Lạng Giang	132	28	26	2	0	28	18	6	0	0	0	22	76	32	33	8	3	
9	Bắc Giang	114	24	22	2	0	24	19	15	4	0	5	0	66	12	16	15	23	

TT	Đơn vị	Thành viên UBKT cơ sở																	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra																
			Chủ nhiệm UBKT cơ sở				Phó Chủ nhiệm UBKT cơ sở					Ủy viên UBKT cơ sở							
			Số lượng	Đối tượng kiểm nhiệm			Số lượng	Cấp ủy	Trong đó					Số lượng	Trong đó				
				Phó BT	UV Ban thường vụ	Đảng ủy viên			Công chức, viên chức NN kiêm	Bán chuyên khác kiêm	Chuyên làm PCN (Cán bộ nghỉ hưu)	Bí thư CB, trưởng thôn	Chuyên làm nhiệm vụ PCN UBKT		Cơ quan nhà nước	Số lượng bán chuyên trách (cấp xã)	cán bộ, công chức cấp xã	Chi bộ kiêm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
10	Yên Dũng	117	25	25	0	0	25	0	4	0	4		17	67	15	32	7	13	
11	Doanh Nghiệp	69	22	12	10	0	22	22	22	0	0			25	0	0	0	25	
12	Các Cơ quan	110	34	8	26	0	34	0	34	0	0			38	38	0	0	0	
13	Công ty Đạm	18	6	4	2	0	6	0	5	1	0			6	0	0	0	6	
14	Công an	26	8	8	0	0	3	3	3	0	0			15	15	0	0	0	
15	Quân Sự	30	6	6	0	0	0	0	0	0	0			24	24	0	0	0	
Tổng cộng		1.537	357	308	48	1	342	120	135	60	10	21	116	838	236	257	183	162	

THÔNG KÊ TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ ỦY BAN KIỂM TRA NHIỆM KỲ 2010 - 2015

TT	Đơn vị	Tổ chức bộ máy UBKT					Cơ cấu độ tuổi			Trình độ											Kinh nghiệm làm KT-GS (là thành viên UBKT)		Tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát		Ghi chú
		Tổng số	Giới tính (nữ)	Chủ nhiệm	Phó Chủ nhiệm	Ủy viên UBKT	Dưới 31 tuổi	Từ 31 đến 46 tuổi	Từ 46 đến 60 tuổi	Văn hóa		Chuyên môn					Lý luận chính trị				Từ 2 nhiệm kỳ trở lên	Tham gia lần đầu	Đã được tập huấn	Chưa được tập huấn	
										THPT	THCS	ĐH và trên ĐH	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Không có bằng chuyên môn	Cao cấp và cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp	Không có bằng cấp, chứng chỉ					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	26
1	Việt Yên	100	6	21	21	58	7	34	59	84	16	25	10	43	12	10	5	70	24	1	38	59	100	0	
2	Hiệp Hòa	97	9	28	28	41	17	38	42	21	76	30	53	14	0	0	54	43	0	0	50	46	97	0	
3	Lục Ngạn	129	10	35	35	59	5	76	48	113	16	33	3	60	3	30	5	83	33	8	31	98	129	0	
4	Yên Thế	110	18	24	24	62	8	57	45	97	13	25	14	56	1	14	0	82	20	8	41	69	91	19	
5	Sơn Động	129	13	27	26	76	12	77	40	103	26	26	37	44	4	18	15	83	29	2	63	66	106	23	
6	Lục Nam	153	12	33	33	87	7	87	59	135	18	21	1	87	3	41	4	92	43	14	43	110	153	0	
7	Tân Yên	134	7	30	24	80	7	82	45	122	12	7	49	36	13	29	8	88	28	10	44	90	132	2	
8	Lạng Giang	123	7	27	27	69	10	72	41	116	7	15	6	82	1	19	1	70	46	6	0	81	44	79	
9	Bắc Giang	110	17	24	24	62	2	61	47	92	18	48	5	28	29	0	4	73	33	0	44	66	110	0	

TT	Đơn vị	Tổ chức bộ máy UBKT					Cơ cấu độ tuổi			Trình độ											Kinh nghiệm làm KT-GS (là thành viên UBKT)		Tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát		Ghi chú
		Tổng số	Giới tính (nữ)	Chủ nhiệm	Phó Chủ nhiệm	Ủy viên UBKT	Dưới 31 tuổi	Từ 31 đến 46 tuổi	Từ 46 đến 60 tuổi	Văn hóa		Chuyên môn					Lý luận chính trị				Từ 2 nhiệm kỳ trở lên	Tham gia lần đầu	Đã được tập huấn	Chưa được tập huấn	
										THPT	THCS	ĐH và trên ĐH	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Không có bằng chuyên môn	Cao cấp và cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp	Không có bằng cấp, chứng chỉ					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	26
10	Yên Dũng	117	4	25	25	67	0	100	17	94	23	0	96	19	2	0	3	62	52	0	15	102	117	0	
11	Doanh Nghiệp	65	6	21	21	23	0	10	55	65	0		42	16	7	0	0	6	19	40	0	7	58	7	
12	Các Cơ quan	98	15	31	31	36	0	37	61	98	0		98	0	0	0	0	49	44	5	0	33	68	30	
13	Công ty Đạm	12	0	4	0	8	0	7	5	12	0		9	0	3	0	0	0	7	5	0	12	10	2	
14	Công an	18	0	6	6	6	3	9	6	18	0	18		0	0	0	12	6	0	0	0	0	13	5	
15	Quân Sự	18	0	6	6	6	0	10	8	18	0		7	11	0	0	0	7	11	0	0	2	16	2	
Tổng cộng		1.413	124	342	331	740	78	757	578	1.188	225	248	430	496	78	161	111	814	389	99	369	841	1.244	169	

THỐNG KÊ TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ UBKT ĐẢNG ỦY NHIỆM KỲ 2015-2020

T T	Đơn vị	Tổ chức bộ máy					Cơ cấu độ tuổi			Trình độ											Kinh nghiệm làm KT-GS (thời gian công tác là thành viên UBKT đảng ủy)		Tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát		Ghi chú
		Tổng số	Giới tính (nữ)	Chủ nhiệm	Phó chủ nhiệm	UV UBKT	Dưới 31 tuổi	Từ 31 đến 46 tuổi	Từ 46 đến 60 tuổi	Văn hóa		Chuyên môn					Lý luận chính trị				Từ 2 nhiệm kỳ trở lên	Tham gia lần đầu	Đã được tập huấn	Chưa được tập huấn	
										THPT	THCS	ĐH và trên ĐH	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Không có bằng chuyên môn	Cao cấp và cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp	Không có bằng cấp chứng chỉ					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	26
1	Việt Yên	110	6	23	23	64	5	46	59	95	15	48	15	32	5	10	10	77	22	1	50	57	105	5	
2	Hiệp Hòa	115	12	30	28	57	20	41	54	12	103	67	0	35	13	0	5	89	21	0	57	58	115	0	
3	Lục Ngạn	139	11	35	35	69	7	91	41	125	14	52	2	47	8	30	10	86	29	14	65	74	139	0	
4	Yên Thế	121	9	26	26	69	7	65	49	110	11	35	24	56	0	6	7	95	12	7	68	53	0	121	
5	Sơn Động	129	20	27	26	76	11	71	47	115	14	35	26	41	25	2	15	93	17	4	73	56	82	47	
6	Lục Nam	165	12	33	32	100	2	87	76	153	12	55	7	78	8	17	10	114	30	11	75	90	165	0	
7	Tân Yên	142	18	30	30	86	17	77	48	134	8	10	64	32	12	24	9	92	25	16	56	86	132	10	
8	Lạng Giang	132	26	28	28	76	7	78	47	130	2	69	10	44	2	7	10	95	23	4	0	82	50	82	
9	Bắc Giang	114	22	24	24	66	3	52	59	107	7	72	5	31	1	5	10	76	11	17	0	0	114	0	

T T	Đơn vị	Tổ chức bộ máy					Cơ cấu độ tuổi			Trình độ											Kinh nghiệm làm KT-GS (thời gian công tác là thành viên UBKT đảng ủy)		Tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát		Ghi chú
		Tổng số	Giới tính (nữ)	Chủ nhiệm	Phó chủ nhiệm	UV UBKT	Dưới 31 tuổi	Từ 31 đến 46 tuổi	Từ 46 đến 60 tuổi	Văn hóa		Chuyên môn					Lý luận chính trị				Từ 2 nhiệm kỳ trở lên	Tham gia lần đầu	Đã được tập huấn	Chưa được tập huấn	
										THPT	THCS	ĐH và trên ĐH	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Không có bằng chuyên môn	Cao cấp và cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp	Không có bằng cấp chứng chỉ					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	26
10	Yên Dũng	117	4	25	25	67	0	102	15	96	21	0	98	19	0	0	3	62	52	0	15	102	117	0	
11	Doanh Nghiệp	69	16	22	22	25	0	40	29	69	0	62	0	7	0	0	8	19	34	8	30	39	30	39	
12	Các Cơ quan	110	22	34	34	38	2	57	51	110	0	110	0	0	0	0	67	29	14	0	40	70	36	74	
13	Công ty Đạm	18	2	6	6	6	0	10	8	18	0	10	0	8	0	0	0	6	12	0	3	15	0	18	
14	Công an	26	0	8	3	15	0	7	19	26	0	26	0	0	0	0	9	17	0	0	5	12	14	12	
15	Quân Sự	30	0	6	0	24	0	24	6	30	0	8	22	0	0	0	7	15	8	0	22	9	30	0	
	Tổng cộng	1.537	180	357	342	838	81	848	608	1.339	207	659	273	430	74	101	180	965	310	82	559	803	1.129	408	